

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-ST
Ngày 15-7-2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Quân.

Ông Phan Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2020/TLST- DS, ngày 16 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST- DS ngày 21 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Địa chỉ: Đường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trang Thành T, sinh năm: 1987 - Giám đốc Ngân hàng T (có mặt).

- Đồng bị đơn:

1. Ông Lâm Văn T, sinh năm: 1974 (vắng mặt).

2. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lâm Văn V, sinh năm: 1976 (vắng mặt).

2. Ông Lâm Văn C, sinh năm: 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 7 năm 2020 và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trang Thành T trình bày:

Vào ngày 10/5/2018 Ngân hàng T và vợ chồng ông Lâm Văn T, bà Huỳnh Thị T có ký hợp đồng tín dụng số LD1813000351 với nội dung: Ngân hàng T hợp đồng cho ông T và bà T vay số tiền 250.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp, lãi suất 03 tháng đầu tiên 12%/năm; tại thời điểm bắt đầu từ tháng thứ 04 trở đi bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VND 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của S cộng (+) biên độ 5,1%/năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, thời hạn trả nợ vay là 12 tháng.

Tài sản thế chấp để bảo đảm nợ vay: ông Lâm Văn T và bà Huỳnh Thị T thế chấp cho Ngân hàng T quyền sử dụng đất có diện tích 23.300m², thuộc thửa số 161, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H246763 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 20/3/1996 cho hộ ông Lâm Văn T, theo hợp đồng thế chấp bất động sản số LD1813000351.1, ngày 11/5/2018 được ký kết giữa Ngân hàng T với ông T và bà T.

Sau khi ký hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho ông T và bà T số tiền 250.000.000 đồng. Sau đó ông T và bà T có trả tiền lãi một thời gian thì ngưng trả, khi đến hạn trả tiền gốc ông T và bà T không trả theo hợp đồng, nên Ngân hàng T chuyển sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu ông T và bà T cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 01/7/2020 là 19.257.534 đồng, tổng cộng là 269.257.534 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 02/7/2020 cho đến khi ông T và bà T trả hết nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông T yêu cầu ông T và bà T cùng chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 15/7/2021 là 65.983.562 đồng, tổng cộng là 315.983.562 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến ngày ông T và bà T trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông T và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên cho Ngân hàng T thì yêu cầu xử lý phát mại tài sản mà ông T và bà T đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số LD1813000351.1, ngày 11/5/2018 theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

* Bị đơn là ông Lâm Văn T và bà Huỳnh Thị T đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, nên ông T và bà T đã biết được yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T, nhưng ông T và bà T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của Ngân hàng T.

* Tại Biên bản lấy lời khai đương sự lập ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn V và ông Lâm Văn C cùng trình bày: trước đây cha ruột ông T, ông V và ông C có cho ông T, ông V và ông C phần đất có diện tích 23.300m², thuộc thửa đất số

161, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp N, xã Đ, nhưng ông V và ông C thống nhất cho ông T đứng tên phần đất này, nên ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 246763 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 20/3/1996. Hiện nay ông T, ông V và ông C đang cùng canh tác diện tích đất này. Do ông V và ông C thống nhất cho ông T và bà T thế chấp phần đất này để vay tiền của Ngân hàng T, nên ông V và ông C yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ông V và ông C không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập ông Lâm Văn T, bà Huỳnh Thị T, ông Lâm Văn V và ông Lâm Văn C tham gia phiên họp hai lần hợp lệ, nhưng ông T, bà T, ông V và ông C vắng mặt không có lý do; ông T và bà T cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng T yêu cầu ông T và bà T cùng chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 15/7/2021 là 65.983.562 đồng, tổng cộng là 315.983.562 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến ngày ông T và bà T trả hết nợ cho Ngân hàng. Nếu ông T và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên cho Ngân hàng T thì yêu cầu xử lý phát mại tài sản mà ông T và bà T đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số LD1813000351.1, ngày 11/5/2018 theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Xét thấy: ông T và bà T đã biết được yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T, nhưng ông T và bà T không có ý kiến phản đối, tức là đã thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên yêu cầu của Ngân hàng tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp theo quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 323, Điều 357, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 500, Điều 501 và Điều 502 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 167 và Điều 188 của Luật đất đai; Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 13 Thông tư số 39/2010/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T và bà T cùng chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày 15/7/2021 là 315.983.562 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến ông T và bà T trả hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông T và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số LD1813000351.1, ngày 11/5/2018 theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2020 của Ngân hàng T (tổ chức có đăng ký kinh doanh) yêu cầu đồng bị đơn ông Lâm Văn T và bà Huỳnh Thị T (cá nhân không có đăng ký kinh doanh), địa chỉ tại ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký và thực hiện, mục đích vay là bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Đồng bị đơn trong vụ án là ông Lâm Văn T và bà Huỳnh Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Lâm Văn V và ông Lâm Văn C đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà T, ông V và ông C.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng T thì ông Lâm Văn T và bà Huỳnh Thị T có hợp đồng vay của Ngân hàng T số tiền 250.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số LD1813000351, ngày 10/5/2018; ông T và bà T thế chấp tài sản để bảo đảm cho hợp đồng vay theo hợp đồng thế chấp bất động sản số LD1813000351.1, ngày 11/5/2018. Ông T và bà T đã nhận được Thông báo về việc thụ lý của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, nên ông T và bà T đã biết được yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T, nhưng ông T và bà T không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của Ngân hàng T, nên đây là tình tiết, sự kiện Ngân hàng T không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Về yêu cầu trả nợ vay gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số LD1813000351, ngày 10/5/2018 của Ngân hàng T:

Vào ngày 10/5/2018 Ngân hàng T có hợp đồng cho ông Lâm Văn T và bà Huỳnh Thị T vay số tiền 250.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp, lãi suất 03 tháng đầu tiên 12%/năm; tại thời điểm bắt đầu từ tháng thứ 04 trở đi bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VND 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của S cộng (+) biên độ 5,1%/năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, thời hạn trả nợ vay là 12 tháng. Tính đến ngày 15/7/2021 ông T và bà T còn nợ Ngân hàng số tiền vay gốc và lãi là 315.983.562 đồng.

Về nội dung và hình thức của hợp đồng: ông T và bà T trực tiếp ký tên và điểm chỉ vào hợp đồng tín dụng số LD1813000351, ngày 10/5/2018, hợp đồng này xác lập trên cơ sở tự nguyện, về hình thức giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 401, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng Ngân hàng T đã giải ngân cho ông T và bà T nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng, vì vậy có đủ căn cứ xác định hợp đồng tín dụng này có giá trị pháp lý và có hiệu lực đối với các bên tham gia ký.

Về mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Xét về lỗi: ông T và bà T thực hiện không đúng nghĩa vụ theo giao kết của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, vì vậy ông T và bà T là bên có lỗi và đã vi phạm hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết của hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu ông T và bà T chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 15/7/2021 là 65.983.562 đồng, tổng cộng là 315.983.562 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến ngày ông T và bà T trả hết nợ cho Ngân hàng.

Xét thấy: ông T và bà T là bên vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền của bên vay tài sản, nên Ngân hàng T yêu cầu ông T và bà T chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi theo hợp đồng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TTNHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu xử lý phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số LD1813000351.1, ngày 11/5/2018 của Ngân hàng T:

Ông Lâm Văn T và bà Huỳnh Thị T thế chấp cho Ngân hàng T quyền sử dụng đất có diện tích 23.300m², thuộc thửa số 161, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H246763 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 20/3/1996 cho hộ ông Lâm Văn T theo hợp đồng thế chấp bất động sản số LD1813000351.1, ngày 11/5/2018 được ký kết giữa Ngân hàng T với ông T và bà T.

Xét thấy: ông T và bà T trực tiếp ký tên và điểm chỉ vào hợp đồng thế chấp bất động sản, hợp đồng này xác lập trên cơ sở tự nguyện, đã được chứng thực phù hợp theo quy định tại Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 500 và Điều 502 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 166 và Điều 167 của Luật đất đai, nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực đối với các bên tham gia ký. Vì vậy, việc Ngân hàng T yêu cầu phát mại tài sản thế chấp khi ông T và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 299, Điều 320, Điều 322 và Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: ông Lâm Văn T và bà Huỳnh Thị T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 900.000 đồng, số tiền này Ngân hàng T đã nộp tạm ứng theo phiếu thu số T38 ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự buộc ông T và bà T phải chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 900.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc ông Lâm Văn T và bà Huỳnh Thị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 15.799.178 đồng; Ngân hàng T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.731.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002984 ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều 357, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 500, Điều 501 và Điều 502 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 167 và Điều 188 của Luật đất đai; Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 13 Thông tư số 39/2010/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Án lệ số 08/2016/AL; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T về việc yêu cầu ông Lâm Văn T và bà Huỳnh Thị T cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho Ngân hàng T.

Buộc ông Lâm Văn T và bà Huỳnh Thị T chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng T tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 15/7/2021 là 315.983.562 đồng (*ba trăm mười lăm triệu chín trăm tám mươi ba ngàn năm trăm sáu mươi hai đồng*).

Kể từ ngày 16/7/2021 ông T và bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng T thì lãi suất mà ông T và bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng T.

2. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng T có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Lâm Văn T và bà Huỳnh Thị T phải tự nguyện trả số tiền nêu trên; nếu ông T và bà T không tự nguyện trả nợ thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số LD1813000351.1, ngày 11/5/2018 được ký kết giữa Ngân hàng T với ông T và bà T để thu hồi nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: ông Lâm Văn T và bà Huỳnh Thị T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 900.000 đồng (*chín trăm ngàn đồng*), số tiền này Ngân hàng T đã nộp tạm ứng theo phiếu thu số T38 ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao

Dung, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, buộc ông T và bà T phải chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 900.000 đồng (*chín trăm ngàn đồng*).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Lâm Văn T và bà Huỳnh Thị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 15.799.178 đồng (*mười lăm triệu bảy trăm chín mươi chín ngàn một trăm bảy mươi tám đồng*); Ngân hàng T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.731.000 đồng (*sáu triệu bảy trăm ba mươi một ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002984 ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo bản án: người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đồng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo